

Số: /BC-HĐND

Cao Bằng, ngày tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO

Thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách trình kỳ họp thứ 9 (chuyên đề) Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định và sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã tổ chức thẩm tra các báo cáo, hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp thứ 9 (chuyên đề) HĐND tỉnh khoá XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026. Trên cơ sở các báo cáo và hồ sơ dự thảo Nghị quyết của UBND tỉnh trình, ý kiến tham gia của các đại biểu tham dự cuộc họp, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

A. ĐỐI VỚI CÁC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY PHẠM PHÁP LUẬT

I. Nghị quyết Ban hành Quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn, huy động nguồn vốn và tỷ lệ dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng và trình HĐND tỉnh đảm bảo đúng quy trình và thẩm quyền, nội dung cơ bản đã bám sát các quy định của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý tổ chức thực hiện các chương trình MTQG và tình hình thực tế tại địa phương. Qua thẩm tra Ban KTNS còn 1 số ý kiến như sau:

1. Đối với dự thảo Nghị quyết:

Điều 2 của dự thảo NQ có giao UBND tỉnh “hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này” trong khi dự thảo tờ trình không có, đề nghị làm rõ sự không thống nhất này? Nội dung nào trong nghị quyết cần UBND tỉnh hướng dẫn thực hiện?

2. Đối với nội dung quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết

(1) Đối tượng áp dụng (Điều 2), đề nghị:

- Khoản 1: bổ sung đối tượng áp dụng: “các tổ chức, cá nhân sử dụng vốn”.
- Khoản 2: bổ sung đối tượng áp dụng: “các cơ quan, tổ chức tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch, phân bổ, giao dự toán ngân sách và sử dụng, thanh toán, quyết toán nguồn vốn.

(2) Quy định các nguồn vốn thực hiện lồng ghép (Điều 4)

- Tại Điểm c khoản 1 đề nghị bỏ nội dung “vốn viện trợ phi Chính phủ (NGO)” ra khỏi nguồn vốn ngân sách Trung ương.

- Điểm c khoản 3 về nguồn huy động có quy định “c) Đóng góp tự nguyện (bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động) của cộng đồng dân cư tham gia thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia”. Đề nghị xem xét bổ sung nội dung đóng góp tự nguyện bằng “*quyền sử dụng đất*”.

(3) Nội dung thực hiện lồng ghép các nguồn vốn (Điều 5)

- Đề nghị rà soát lại từ ngữ, cụ thể: Khoản 1- Các dự án: ghi rõ lại tiêu đề thành “Khoản 1- Các dự án đầu tư”, bắt đầu vào khoản 2, 3 của Điều 5 đề nghị bỏ 02 từ “đối với”.

- Tại khoản 2- Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia (hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, phát triển sản xuất cộng đồng, phát triển sản xuất theo nhiệm vụ). Ban KTNS đề nghị: Bỏ nội dung “theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ”, do Điều 20 quy định “Nguyên tắc quản lý hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia”.

- Tại khoản 3- Hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, đào tạo nghề, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện; thông tin, tuyên truyền về các chương trình mục tiêu quốc gia. Ban KTNS đề nghị bỏ nội dung “Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% để thực hiện: đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho cộng đồng, người dân và cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp; đào tạo nghề cho lao động nông thôn”, do đây là quy định về cơ chế vốn, không phải là nội dung hoạt động lồng ghép.

(4) Trình tự lồng ghép vốn trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch, lập dự toán hằng năm và giai đoạn ở các cấp (Điều 7)

Ban KTNS đề nghị làm rõ căn cứ đề xuất các quy định ở Điều này? Căn cứ đề xuất các mốc thời gian hoàn thành lập kế hoạch tại các khoản 2,3,4 ?

(5) Cơ chế huy động nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (gồm các điều: 9, 10, 11 quy định tại Chương III)

- Quy định Cơ chế huy động nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tại dự thảo hiện nay còn chung chung, chưa cụ thể. Để đảm bảo số vốn huy động được đáp ứng được yêu cầu theo quy định tại điểm b. Khoản 1 Điều 4. Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND, ngày 25/5/2022 của HĐND tỉnh¹ và Điều 13 của Nghị quyết này², Ban KTNS đề nghị cơ quan soạn thảo biên tập lại cho rõ để đảm bảo phải rõ các nội dung:

- + Nguồn huy động;
- + Nguyên tắc huy động;

¹ Quy định về thực hiện CT MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025

² Điều 13. Mức hỗ trợ cụ thể dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù

+ Chủ thể nào thực hiện nhiệm vụ huy động?

- Tại Điểm b Khoản 2 Điều 11 nghị định 27/2022 quy định: “b) Căn cứ các chính sách tín dụng của Nhà nước, UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định ...³”. Tuy nhiên, Khoản 2 Điều 10 của dự thảo Nghị quyết quy định “Thực hiện chính sách huy động nguồn vốn tín dụng theo quy định tại Điều 11. Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia”. Như vậy là chưa đúng yêu cầu của Nghị định 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Khoản 1 Điều 11. Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác quy định “Nội dung, tỷ lệ huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai dự án, hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của HĐND tỉnh”. Ban KTNS đề nghị làm rõ là Nghị quyết nào của HĐND tỉnh?

(6) Quy định tỷ lệ dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù (Điều 14)

UBND tỉnh trình quy định tỷ lệ dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù của Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tối thiểu 20%. Ban KTNS nhất trí với đề xuất của UBND tỉnh. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai đề nghị UBND tỉnh cần có giải pháp cụ thể để đảm bảo thực hiện đạt được tỷ lệ đề ra và mục tiêu của các chương trình MTQG.

Ban KTNS HĐND tỉnh kính HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

II. Nghị quyết Quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất; lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: UBND tỉnh gửi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

2. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

3. Về nội dung Nghị quyết:

³ Điểm b khoản 2 điều 11 nghị định 27/2022 quy định “b) Căn cứ các chính sách tín dụng của Nhà nước, UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định quy mô, bố trí NSDP thực hiện chính sách tín dụng, hỗ trợ tín dụng cho từng đối tượng, lĩnh vực, nội dung, hoạt động thuộc từng CT MTQG bảo đảm phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương và quy định của pháp luật về quản lý vốn tín dụng chính sách”.

Quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất; lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đối với các nội dung, gồm: (1) Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (tại Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ); (2) Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (tại Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ); (3) Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ (tại Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ).

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh:

a) Đối với dự thảo Nghị quyết

- Đề nghị chỉnh sửa Điều 2 thành: “**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.”

b) Đối với dự thảo quy định kèm theo Nghị quyết

- **Tại Điều 2.** Đối tượng áp dụng, bổ sung thêm đối tượng “cộng đồng dân cư”.

- **Tại khoản 1 Điều 3:** Đề nghị liệt kê chi tiết điều kiện hỗ trợ theo khoản 1 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (3 nội dung), để đảm bảo tổ chức, cá nhân tra cứu dễ dàng.

- **Tại khoản 2 Điều 3:**

+ Đề nghị UBND tỉnh giải trình căn cứ đề xuất nội dung: đ) Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm và e) Xây dựng, quản lý dự án (khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP không quy định nội dung này).

+ Tại khổ đầu tiên, trang 2 của dự thảo quy định kèm theo Nghị quyết đang quy định: “Đối với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được thực hiện các nội dung hỗ trợ khác quy định tại điểm a, điểm b, **điểm c**, khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 28/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.” ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh chỉnh sửa, tích hợp nội dung hỗ trợ của điểm c, khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 28/2018/NQ-HĐND với điểm a khoản 2 Điều 3 của dự thảo quy định kèm theo Nghị quyết, do có nội dung gần giống nhau, cụ thể:

Điểm c, khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 28/2018/NQ-HĐND quy định: “c) Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông; đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường”.

Điểm a khoản 2 Điều 3 của dự thảo quy định kèm theo Nghị quyết quy định:
“a) Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.”

+ Tại khổ thứ, trang 2 của dự thảo quy định kèm theo Nghị quyết đang quy định: *“Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được thực hiện các nội dung hỗ trợ khác được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Tiểu mục 3.2, Mục 3, Chương II Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính...”*. Nội dung hỗ trợ của điểm a, khoản 1, Điều 11, Tiểu mục 3.2, Mục 3, Chương II Thông tư số 15/2022/TT-BTC với điểm a, khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 28/2018/NQ-HĐND có nội dung tương tự, gần giống nhau (đều quy định tư vấn xây dựng liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường). Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu, chỉnh sửa cho phù hợp, tránh trùng lặp.

+ Đối với Tiểu dự án 1 (Dự án 3) (**Trang 2**), Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh giải trình căn cứ đưa ra các nội dung hỗ trợ: lĩnh vực trồng trọt: giá thể trồng cây, phân bón, ..., lĩnh vực chăn nuôi: chuồng trại, thức ăn chăn nuôi, ...; lĩnh vực nuôi trồng thủy sản: lồng bè nuôi trồng thủy sản, cải tạo diện tích Đề nghị xem xét, tích hợp các nội dung hỗ trợ này vào Điểm c, Khoản 2 Điều 3 của dự thảo quy định kèm theo Nghị quyết (Điểm c đang quy định: Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi.)

- Tại Khoản 3 Điều 3:

+ Đối với từng nội dung khác nhau của Khoản 3 Điều 3, đề nghị chỉnh sửa thành: điểm a), điểm b), điểm c), không dùng dấu “-“, để rõ ràng, dễ hiểu.

+ Đối với nội dung *“...Trong đó, hỗ trợ xây dựng chuồng trại chăn nuôi, thực hiện theo định mức được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.”*. Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh làm rõ mức hỗ trợ bao nhiêu? Quy định tại Nghị quyết HĐND nào?

+ Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh giải trình căn cứ pháp lý đưa ra mức hỗ trợ:

“- Hỗ trợ tối đa không quá 2.000 triệu đồng/dự án, kế hoạch liên kết cấp tỉnh phê duyệt.

- Hỗ trợ tối đa không quá 1.500 triệu đồng/dự án, kế hoạch liên kết cấp huyện phê duyệt.”

- Tại Khoản 4 Điều 3, đề nghị chỉnh sửa thành: *“4. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ các quy định của Chính phủ, Bộ ngành trung ương để hướng dẫn trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.”*

- Tại Khoản 1 Điều 4: Đề nghị liệt kê chi tiết điều kiện hỗ trợ theo khoản 1 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (4 nội dung), để đảm bảo tổ chức, cá nhân tra cứu dễ dàng.

- Tại Khoản 2 Điều 4:

+ Ban KT - NS đề nghị xem xét lại nội dung: Thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, e, khoản 2, Điều 3 Quy định này, do đối tượng, điều kiện áp dụng khác nhau. Đề nghị chỉnh sửa theo đúng nội dung Khoản 4 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

+ Ban KT - NS đề nghị làm rõ căn cứ đề xuất nội dung:

“- Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả.

- Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao.”

+ Đối với Tiểu dự án 1 (Dự án 3) (**Trang 2**), đề nghị UBND tỉnh giải trình căn cứ đưa ra các nội dung hỗ trợ: lĩnh vực trồng trọt: giá thể trồng cây, phân bón, ..., lĩnh vực chăn nuôi: chuồng trại, thức ăn chăn nuôi, ...; lĩnh vực nuôi trồng thủy sản: lồng bè nuôi trồng thủy sản, cải tạo diện tích

- Tại Khoản 3 Điều 4:

+ Đối với nội dung *“...Trong đó, hỗ trợ xây dựng chuồng trại chăn nuôi, thực hiện theo định mức được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.”*. Đề nghị UBND tỉnh làm rõ mức hỗ trợ bao nhiêu? Quy định tại Nghị quyết nào?

+ Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh làm rõ căn cứ pháp lý đưa ra mức hỗ trợ: *“- Hỗ trợ đối đa không quá 500 triệu đồng/dự án.”*

- Tại Khoản 4 Điều 4, đề nghị chỉnh sửa thành: *“4. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ các quy định của Chính phủ, Bộ ngành trung ương để hướng dẫn trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án sản xuất cộng đồng.”*

- Tại Khoản 1 Điều 5: Đề nghị liệt kê chi tiết điều kiện hỗ trợ theo khoản 1 Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (2 nội dung), để đảm bảo tổ chức, cá nhân tra cứu dễ dàng.

- Tại Khoản 2 Điều 5: đang quy định:

“2. Nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 3 và khoản 2, Điều 4 Quy định này.”

Tuy nhiên, tại Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP quy định: *“Quy trình, thủ tục, nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thực hiện theo quy định của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên”*. Do đó, nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 3 và khoản 2, Điều 4 Quy định này là chưa hợp lý, đề nghị UBND tỉnh báo cáo thêm về quy định của

Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

- **Tại Khoản 2 Điều 5:** đề nghị chỉnh sửa như sau: “*Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ các quy định của Chính phủ, Bộ ngành để hướng dẫn trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ*”

- **Điều 6. Điều khoản thi hành:** Đề nghị bỏ Khoản 1 Điều 6 và cụm từ “*Điều 6. Điều khoản thi hành*”. Sau khi hết Điều 5, sẽ đến cụm từ:

“*Trong quá trình thực hiện có nội dung cần thiết điều chỉnh, bổ sung, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.*”

Ban KT-NS HĐND tỉnh đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

III. Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ xây dựng chuồng trại đại gia súc giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: UBND tỉnh gửi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

Chăn nuôi đại gia súc là một trong những thế mạnh của ngành chăn nuôi tỉnh Cao Bằng. Tuy nhiên, do tập quán chăn nuôi; điều kiện khó khăn về kinh tế, về đất đai nên còn nhiều hộ chăn nuôi vẫn nuôi nhốt gia súc dưới gầm sàn nhà ở, làm mất vệ sinh, ô nhiễm môi trường, gây ảnh hưởng đến sức khoẻ vật nuôi và con người. Qua công tác thống kê đến năm 2022 còn 7.217 hộ chăn nuôi nhốt gia súc dưới gầm sàn nhà ở.

Nhằm thực hiện hoàn thành chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 là đến hết năm 2025 phấn đấu 100% số hộ chăn nuôi đưa gia súc ra khỏi gầm sàn nhà ở. Do vậy, đề nghị xây dựng và ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ xây dựng chuồng trại đại gia súc giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là rất cần thiết.

3. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định.

4. Về thể thức văn bản: Tuân thủ đúng quy định theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

5. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Qua thẩm tra, Ban KT-NS có ý kiến như sau:

(1) Đối với tên dự thảo Nghị quyết, đề nghị chỉnh sửa thành: “*Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ xây dựng chuồng trại gia súc giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng*”

(2) Đối với bố cục của dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa lại như sau:

Điều 1: Ban hành chính sách hỗ trợ xây dựng chuồng trại gia súc giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng như sau:

1. Đối tượng áp dụng
2. Đối tượng được hưởng chính sách
3. Nguyên tắc hỗ trợ
4. Điều kiện hưởng chính sách
5. Mức hỗ trợ, quy định áp dụng định mức hỗ trợ
6. Nguồn kinh phí

Điều 2. Quy định về tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết

Điều 3. Giao nhiệm vụ giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

(3) Tại Điểm a, Khoản 1, Điều 2, đề nghị bỏ cụm từ “**ưu tiên**”.

(4) Tại Điểm d, Khoản 1, Điều 2, quy định: “...**trực tiếp bằng tiền cho các hộ gia đình xây dựng trong chuồng đại gia súc**” Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh bổ sung thêm nội dung hỗ trợ ngoài trực tiếp bằng tiền có thể hỗ trợ theo các quy định của cơ quan chủ quản chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và phù hợp với nguồn hỗ trợ từ doanh nghiệp, cộng đồng dân cư (doanh nghiệp hỗ trợ vật liệu xây dựng, cộng đồng dân cư hỗ trợ ngày công).

(5) Tại Điểm e, Khoản 1, Điều 2:

+ Nội dung này không thuộc phạm vi của “*Nguyên tắc hỗ trợ*”, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa, bổ sung vào mục “*Điều kiện hưởng chính sách*”.

+ Đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình nội dung “*Diện tích xây dựng tối thiểu 05 m²/con*” căn cứ theo quy định nào? Có thể quy định theo hướng: mức tối thiểu về diện tích xây dựng/01 chuồng để phù hợp với điều kiện thực tế hay không? Đề nghị bổ sung thêm quy định chi tiết hơn về nội dung “*mái che*”.

+ Đề nghị rà soát, đối chiếu theo quy định về nội dung: Khoảng cách tách biệt giữa chuồng trại với nhà ở từ 5m trở lên đã đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh hay chưa? Theo Quyết định 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 UBND tỉnh đã có quy định: khoảng cách tách biệt với nhà ở; cách nguồn nước ăn uống, sinh hoạt từ 10 m trở lên.

(6) Tại Khoản 2, Điều 2. Điều kiện

- Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, quy định lại cho phù hợp với quy định của cấp trên và điều kiện thực tế tại địa phương.

- Đề nghị bổ sung nội dung: “- *Xây dựng chuồng trại gia súc gắn với di dời gia súc ra khỏi gầm sàn nhà ở và cam kết sau khi hỗ trợ sẽ không còn chuồng trại dưới gầm sàn nhà ở*” vào mục điều kiện hỗ trợ.

(7) Ban KT-NS đề nghị bổ sung phương thức hỗ trợ: “*Đối với các hộ chăn nuôi gia súc được hỗ trợ xây dựng chuồng trại từ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025: Được áp dụng phù hợp theo loại dự án quy định tại Chương V, Nghị định 27/2022/NĐ-CP.*”

(8) Tại Khoản 2, Điều 2:

- Đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình, làm rõ căn cứ xây dựng nội dung: “*Hộ khác là các hộ ngoài các hộ nêu trên và là hộ không có thành viên là cán bộ, công chức, viên chức được hưởng lương từ ngân sách nhà nước*”.

- Đề nghị xem xét, bổ sung các đối tượng theo Thông tư 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 gồm: *Hộ mới thoát nghèo, Người khuyết tật (không có sinh kế ổn định), người dân sống trên huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn.*

(9) Tại Điểm a, Khoản 3, Điều 2, đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình, làm rõ căn cứ xây dựng định mức hỗ trợ?

(10) Tại Khoản 4, điều 2, ban KTNS đề nghị UBND tỉnh bỏ cụm từ “**Nguồn vốn từ Trung Ương**”, cụ thể chỉnh sửa lại như sau: “*Nguồn vốn hỗ trợ thực hiện xây dựng chuồng trại gia súc giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp, nguồn huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân và các nguồn hợp pháp khác*”.

Ban KT-NS HĐND tỉnh đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

B. ĐỐI VỚI CÁC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CÁ BIỆT

I. Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 3)

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: UBND tỉnh gửi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

2. Sự cần thiết ban hành nghị quyết

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 và được điều chỉnh, bổ sung 02 lần tại các Nghị quyết: Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2021, Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 15/7/2022. Theo đó, số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết là 1.607.187,604 triệu đồng.

Bên cạnh đó, tại thời điểm hiện tại, dự án “Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng)” theo hình thức đối tác công tư chưa có Quyết định phê duyệt dự án nên chưa đủ điều kiện giao phần kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 để dự kiến bố trí để thực hiện dự án.

Từ các lý do trên, để có cơ sở phân bổ chi tiết phần vốn chưa đủ điều kiện phân bổ tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 và để có cơ sở phân bổ phần kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 dự kiến bố trí cho dự án “Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng)” theo hình thức đối tác công tư cho các dự án khác có khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2022 thì việc ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 3) là cần thiết.

3. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định.

4. Về thể thức văn bản: Tuân thủ đúng quy định theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

5. Về nội dung Nghị quyết:

(1) Điều chỉnh phần vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND để thực hiện phân bổ chi tiết, cụ thể như sau:

a. Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương:

- Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (tính bố trí): Điều chỉnh giảm 13.500 triệu đồng vốn đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (tính bố trí) chưa đủ điều kiện phân bổ tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND để thực hiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết này.

Sau điều chỉnh, số vốn đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (tính bố trí) chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết giảm từ 13.500 triệu đồng còn 0 triệu đồng, đảm bảo thực hiện phân bổ chi tiết toàn bộ số vốn đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (tính bố trí) giai đoạn 2021-2025.

b. Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất

- Điều chỉnh giảm 43.292 triệu đồng vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND để thực hiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết này.

Sau điều chỉnh, số vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết giảm từ 72.699 triệu đồng còn 29.407 triệu đồng.

(Tại Tờ trình số 2237/TTr-UBND ngày 26/8/2022, đề nghị tăng số vốn chưa phân bổ chi tiết cho các dự án từ 29.407 triệu đồng lên 43.907 triệu đồng).

b. Tăng thu ngân sách địa phương

- Điều chỉnh giảm 32.500 triệu đồng vốn tăng thu ngân sách địa phương chưa đủ điều kiện phân bổ tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND để thực hiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết này.

Sau điều chỉnh, số vốn tăng thu ngân sách địa phương chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết giảm từ 1.390.552,804 triệu đồng còn 1.358.052,804 triệu đồng.

(2) Điều chỉnh phần vốn đã thực hiện phân bổ chi tiết tại các Nghị quyết: Nghị quyết số 68/NQ-HĐND, Nghị quyết số 86/NQ-HĐND và Nghị quyết số 25/NQ-HĐND

a. Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương

- Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (tính bố trí):

+ Điều chỉnh giảm kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 của 28 dự án với tổng số vốn 156.400 triệu đồng.

+ Điều chỉnh tăng kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 của 06 dự án với tổng số vốn 156.400 triệu đồng.

- Điều chỉnh phần vốn từ nguồn thu sử dụng đất.

+ Điều chỉnh giảm kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 của 01 dự án với tổng số vốn 219.900 triệu đồng

+ Điều chỉnh tăng kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 của 08 dự án với tổng số vốn 219.900 triệu đồng

b. Tăng thu ngân sách địa phương:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 của 02 dự án với tổng số vốn 88.400 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 của 01 dự án với tổng số vốn 88.400 triệu đồng.

(Tại Tờ trình số 2237/TTr-UBND ngày 26/8/2022, đề nghị điều chỉnh giảm 05 dự án với tổng số vốn 60.000 triệu đồng, điều chỉnh tăng 02 dự án với số vốn 60.000 triệu đồng)

c. Nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 của 02 dự án với tổng số vốn 38.400 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 của 01 dự án với tổng số vốn 38.400 triệu đồng.

6. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh:

- Tại căn cứ thứ 7 của dự thảo Nghị quyết, Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh bổ sung thêm “Tờ trình số 2237/TTr-UBND ngày 26/8/2022 điều chỉnh một số nội dung tại Tờ trình số 2197/TTr-UBND ngày 23/8/2022 và Tờ trình số 2198/TTr-UBND ngày 23/8/2022 của UBND tỉnh Cao Bằng”.

- Đối với 9 dự án nông nghiệp thông minh, hiện nay vẫn chưa đủ điều kiện trình thông qua tại kỳ họp thứ 9 (chuyên đề), Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh kiểm tra lại số vốn dự kiến phân bổ cho 9 dự án này.

- Đối với các công trình đề nghị Điều chỉnh giảm Kế hoạch trung hạn nguồn vốn xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (tính bố trí) chuyển sang bằng nguồn thu sử dụng đất⁴. Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh giải trình lý do giảm nguồn vốn trên? Việc chuyển từ nguồn vốn xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (tính bố trí) sang nguồn thu sử dụng đất có đúng đối tượng không? Nguồn thu này có đảm bảo để triển khai thực hiện các dự án không?

- Đối với việc đảo nguồn vốn (do không giải ngân được nguồn vốn bố trí cho dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng), đề nghị UBND xem xét tính toán các phương án điều chuyển có tính khả thi trong triển khai thực hiện.

- Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh kiểm tra lại số liệu tại trang 5 Biểu 2, mục B, cột 12, 13 (Tổng số Vốn đầu tư công trung hạn hiện nay đang nhỏ hơn vốn NSĐP).

- Một số dự án hết nhiệm vụ chi có số tiền dư nhiều, tỷ lệ *vốn điều chỉnh giảm/tổng số nguồn vốn của kế hoạch trung hạn 2021-2025* lớn. Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh giải trình rõ nguyên nhân, lý do?

- Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đúng theo quy định tại Điểm d, Khoản 8, Điều 4, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14.

⁴ (1) Hồ chứa nước Khuổi Kỳ, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng 10.000 triệu đồng; (2) Xây dựng khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Đề án nông nghiệp thông minh tỉnh Cao Bằng 16.500 triệu đồng; (3) Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Chu Trinh (thành phố Cao Bằng)- Hồng Nam (huyện Hòa An), tỉnh Cao Bằng 30.000 triệu đồng; (4) Cải tạo, nâng cấp đường từ thị trấn Xuân Hòa - thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng 10.000 triệu đồng; (5) Cải tạo, nâng cấp đường Bảo Toàn (huyện Bảo Lạc) - Đức Hạnh (huyện Bảo Lâm), tỉnh Cao Bằng 50.000 triệu đồng.

- Phân vốn dự phòng từ 10% giảm còn 5% nhưng số lượng chưa phân bổ lớn. Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh cho biết dự kiến phân bổ của nguồn vốn trên?

- Đối với các dự án đã hoàn thành nhưng vẫn còn nợ, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo đẩy nhanh việc hoàn thiện hồ sơ để trả nợ và kết thúc dự án.

- Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh giải trình rõ nguyên nhân, lý do, trách nhiệm của các đơn vị đối với việc tham mưu cho tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn NSDP tỉnh Cao Bằng trong việc để tồn tổng số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết là 1.532.395,804 triệu đồng.

- Đối với các nguồn vốn chưa đủ điều kiện phân bổ: Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh khẩn trương chuẩn bị đầy đủ hồ sơ trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư đối với những hồ sơ dự án đủ điều kiện.

Ban KT-NS HĐND tỉnh đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

II. Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Cao Bằng (lần 2)

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: UBND tỉnh gửi hồ sơ đầy đủ theo quy định. Tuy nhiên không có biểu kèm theo Tờ trình.

2. Sự cần thiết ban hành nghị quyết

Căn cứ Luật Đầu tư công; Căn cứ Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Cao Bằng;

- Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về Kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Cao Bằng;

- Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Cao Bằng;

Để phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 còn lại chưa phân bổ, góp phần đẩy nhanh tiến độ giải ngân năm 2022, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn xây dựng phương án điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022; trong đó điều chuyển hết kế hoạch vốn năm 2022 dự kiến cho dự án “Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng)” sang các dự án khác để thực hiện trong năm 2022 và sẽ điều chuyển lại kế hoạch vốn cho dự án Cao tốc trong những năm tiếp theo.

Dự thảo nghị quyết được UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, đúng thẩm quyền và phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật.

3. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định.

4. Về thể thức văn bản: Tuân thủ đúng quy định theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

5. Về nội dung Nghị quyết

Căn cứ vào tiến độ triển khai thực hiện, giải ngân và nhu cầu thực tế, điều chỉnh giảm năm 2022 những dự án không có khả năng giải ngân hết trong năm, hoặc đã có Quyết định phê duyệt dự án nên điều chỉnh sang danh mục dự án khởi công mới. Số vốn điều chỉnh giảm được bổ sung cho những dự án có khả năng thực hiện và giải ngân trong năm, trong đó:

1. Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương

a) Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2022: 07 dự án, với số vốn 201.400 triệu đồng (*Điều chỉnh lại theo Tờ trình số 2237/TTr-UBND ngày 26/8/2022*).

- Điều chỉnh, bổ sung tăng kế hoạch vốn năm 2022: nguồn vốn huyện bố trí của 05 huyện và 21 dự án, với số vốn 201.500 triệu đồng.

b) Nguồn thu sử dụng đất

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2022: 02 dự án, với số vốn 138.494 triệu đồng.

- Điều chỉnh, bổ sung tăng kế hoạch vốn năm 2022: 138.494 triệu đồng, bao gồm:

+ Bố trí cho Dự án thực hiện nhiệm vụ đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận xây dựng CSDL đất đai chính lý hồ sơ địa chính: 1.804 triệu đồng.

+ Hỗ trợ xi măng làm đường GTNT: 6.789 triệu đồng

+ Thực hiện các dự án đầu tư: điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 07 dự án và số vốn chưa phân bổ chi tiết, với số vốn 129.901 triệu đồng.

2. Nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác năm 2022

a) Nguồn vốn tăng thu ngân sách địa phương

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 2022: 01 dự án, với số vốn 80.114 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn năm 2022: 04 dự án, với số vốn 52.700 triệu đồng; Chưa phân bổ chi tiết: 27.914 triệu đồng (*Điều chỉnh lại theo Tờ trình số 2237/TTr-UBND ngày 26/8/2022*).

b) Nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 2022: 01 dự án và số vốn chưa phân bổ chi tiết, với số vốn 94.895,587 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn năm 2022: 02 dự án, với số vốn 94.895,587 triệu đồng.

Các nội dung khác về Kế hoạch đầu tư công năm 2022 không điều chỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về Kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Cao Bằng và Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Cao Bằng.

6. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách

- Tại căn cứ thứ 7 của dự thảo Nghị quyết, ban KTNS đề nghị UBND tỉnh bổ sung thêm “*Tờ trình số 2237/TTr-UBND ngày 26/8/2022 điều chỉnh một số nội dung tại Tờ trình số 2197/TTr-UBND ngày 23/8/2022 và Tờ trình số 2198/TTr-UBND ngày 23/8/2022 của UBND tỉnh Cao Bằng*”.

- Tại điều 2, Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh bỏ nội dung: “*Đối với phần vốn chưa phân bổ chi tiết từ nguồn thu sử dụng đất là 14.500 triệu đồng, giao Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện phân bổ chi tiết cho dự án Xây dựng mới và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm y tế huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng khi có dự án được phê duyệt*”.

- Tại ý kiến góp ý của Ban QLĐTXD tỉnh, đề nghị giảm 35.000 triệu đồng dự án Bảo tàng tỉnh Cao Bằng, tuy nhiên bản chỉnh sửa sau góp ý lại giảm 38.400 triệu đồng. Đề nghị UBND giải trình số liệu và tiến độ thực hiện dự án có bị ảnh hưởng không?

- Đối với dự án Xây mới trụ sở làm việc xã Kim Đồng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng đã có Quyết định Chủ trương đầu tư, UBND huyện Thạch An đề xuất điều chỉnh thời gian thực hiện từ 2023-2025 thành 2022-2024, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị sớm hoàn thiện thủ tục.

- Đối với những dự án năm 2022 vẫn chưa kết thúc, khối lượng công việc thực hiện năm 2022 được sắp xếp phù hợp với các bước thực hiện dự án nên không có cơ sở thanh toán khối lượng tương ứng với số vốn dự kiến bổ sung thêm, Ban KT - NS đề nghị UBND giải trình chi tiết thêm nguyên nhân, lý do.

- Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh cho biết đối với Dự án Xử lý rác thải ô nhiễm nghiêm trọng và xây dựng bãi rác mới tại xóm Nà Bao, xã Minh Tâm, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng hiện nay thủ tục chưa hoàn thiện, người dân hiện chưa đồng ý, hiện nay dự kiến bố trí vốn: 13.900 triệu đồng/14.996,6 triệu đồng thì có khả thi trong vấn đề giải ngân không (Thời gian thực hiện dự án là năm 2022-2024)?

- Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh cho biết Nguồn vốn huyện bố trí điều chỉnh tăng 44.017,47 triệu đồng có danh mục chi tiết các dự án không?

- Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh báo cáo tiến độ giải ngân và hướng giải quyết Đối với Dự án: Đường tỉnh 208, từ thị trấn Đông Khê (huyện Thạch An) - xã Cách Linh, Triệu Âu (huyện Phục Hòa) - xã An Lạc, thị trấn Thanh Nhật, xã Đức Quang (huyện Hạ Lang) - xã Chí Viễn (huyện Trùng Khánh), tỉnh Cao Bằng.

- Các công trình diễn tập ở các huyện (Nguyên Bình, Bảo Lâm) hiện khối lượng hoàn thành lớn, vốn đang thiếu, đề nghị UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung nguồn vốn.

- Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh tiếp tục rà soát các công trình dự án đã được bố trí kế hoạch vốn năm 2022 cần điều chỉnh để đảm bảo thực hiện đầy nhanh tiến độ thi công và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022.

Ban KT-NS HĐND tỉnh đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

III. Nghị quyết thông qua danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất (bổ sung đợt 2)

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: UBND tỉnh gửi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP⁵ ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai, Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất hàng năm được xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định vào kỳ họp cuối năm trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện⁶. Tuy nhiên, để triển khai thực hiện các dự án đầu tư đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh giao các địa phương, đơn vị lập Danh mục bổ sung các công trình, dự án cần thu hồi đất trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định tại kỳ họp giữa năm là phù hợp với thực tiễn.

3. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định.

4. Về thể thức văn bản: Tuân thủ đúng quy định theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

5. Về nội dung Nghị quyết:

UBND tỉnh trình HĐND thông qua:

+ Gồm 8 dự án, công trình cần thu hồi đất năm 2022 với tổng diện tích 10,03ha (trong đó: đất trồng lúa: 2,97ha; đất rừng phòng hộ: 1,43ha; đất khác: 5,63ha) ;

⁵ đ) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp danh mục dự án cần thu hồi đất quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua đồng thời với quyết định mức vốn ngân sách nhà nước cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

⁶ Khoản 1 Điều 6 Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch quy định: “UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất quy định tạo khoản 3 Điều 62 của Luật này trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện”

+ Điều chỉnh 01 dự án đã được thông qua tại Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh, nội dung điều chỉnh: tên dự án (từ Nhà văn hóa trung tâm huyện Trùng Khánh thành: Nhà Văn hóa trung tâm - Cung văn hóa thiếu nhi huyện Trùng Khánh (giai đoạn 1) và diện tích thu hồi: từ 0,8 ha thành 4,66ha.

Qua thẩm tra Ban KT-NS HĐND tỉnh có ý kiến như sau:

- Đề nghị UBND tỉnh bổ sung Tờ trình số 2236/TTr-UBND ngày 26/8/2022 của UBND vào phần “Xét Tờ trình số ...” tại căn cứ của dự thảo Nghị quyết, cập nhật lại số liệu, danh mục và diện tích các dự án, công trình thu hồi đất (do bổ sung dự án đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Cao Bằng).

- Đối với dự án Xây dựng Trung tâm y tế huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đề nghị rà soát lại tổng diện tích thực hiện dự án, theo nội dung đăng ký thu hồi đất, diện tích thực hiện dự án là 3,43ha, tuy nhiên, theo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, diện tích thực hiện dự án là 3,46ha.

- Đối với dự án Nhà văn hóa trung tâm huyện Trùng Khánh, đang đề nghị sửa đổi tên dự án và diện tích thu hồi, đề nghị rà soát lại tổng diện tích thực hiện dự án, theo nội dung đăng ký thu hồi đất, diện tích thực hiện dự án là 4,66ha, tuy nhiên, theo Quyết định chủ trương đầu tư, diện tích thực hiện dự án là 3,55ha.

- Đối với dự án Sửa chữa trụ sở làm việc Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Trùng Khánh, đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND huyện Trùng Khánh rà soát, xem xét lại tên dự án, do nội dung sửa chữa không thực hiện việc thu hồi đất.

- Sau khi được HĐND tỉnh thông qua các dự án, công trình bổ sung thu hồi đất năm 2022, đề nghị UBND tỉnh cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP⁷ ngày 18/12/2020 của Chính phủ.

Ban KT-NS HĐND tỉnh đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

IV. Nghị quyết thông qua danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2022 (bổ sung đợt 2)

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: UBND tỉnh gửi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

2. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định.

⁷ Trường hợp có bổ sung dự án, công trình mà phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai thì phải được Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông qua trước khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

3. Về thể thức văn bản: Tuân thủ đúng quy định theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

4. Về nội dung Nghị quyết:

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua 05 dự án đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất với tổng diện tích 8,56ha, trong đó: đăng ký chuyển mục đích đất trồng lúa: 3,00ha, đăng ký chuyển mục đích đất rừng phòng hộ: 3,99ha (trong đó: 02 dự án xây dựng trụ sở cơ quan; 01 dự án về an toàn giao thông; 01 dự án về giải phóng mặt bằng khu di tích lịch sử, 01 dự án về khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường).

Qua thẩm tra Ban KTNS HĐND tỉnh có ý kiến như sau:

- Đề nghị UBND tỉnh giải trình rõ thêm tổng diện tích thực hiện dự án đầu tư khai thác và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá vôi Nà Cháo, xóm Nà Cháo, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng. Theo Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 22/02/2021⁸ và Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 của UBND tỉnh⁹, diện tích khu vực đấu giá và diện tích được bổ sung vào quy hoạch khoáng sản là 4,61ha, tuy nhiên, tại dự thảo Nghị quyết, tổng diện tích thực hiện dự án này là 2,95ha. Trong thời gian tới, dự án này có tiếp tục đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất hay không?

- Đối với dự án Xây dựng Trung tâm y tế huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đề nghị rà soát lại tổng diện tích thực hiện dự án, theo nội dung đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất, diện tích thực hiện dự án là 3,43ha; tuy nhiên, theo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, diện tích thực hiện dự án là 3,46ha.

Ban KT-NS HĐND tỉnh đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

V. Nghị quyết về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2022 (bổ sung đợt 2)

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: UBND tỉnh gửi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

2. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định.

⁸ Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 22/02/2021 của UBND tỉnh về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu thông thường mỏ đá Nà Cháo, xóm Nà Cháo, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng

⁹ Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung 05 mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng vào quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng đến năm 2020

3. Về thể thức văn bản: Tuân thủ đúng quy định theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

4. Về nội dung Nghị quyết

UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện 02 dự án, với tổng diện tích 1,56ha rừng trồng, trong đó: Rừng trồng quy hoạch rừng phòng hộ 1,25ha, rừng trồng quy hoạch rừng sản xuất 0,31ha, cụ thể:

a) Dự án Nhà máy thủy điện Bình Long: được quyết định chủ trương đầu tư theo Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của UBND tỉnh Cao Bằng; nằm trong danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2020 theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Cao Bằng với diện tích thu hồi là 62,87 ha.

Đến thời điểm hiện tại UBND tỉnh đã giao đất cho chủ đầu tư thuê đất với diện tích là 44,35 ha. Hiện trạng rừng đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng là rừng trồng (trồng keo) với diện tích 0,31ha (phần diện tích này đã nằm trong 44,35 ha được UBND tỉnh Cao Bằng cho thuê đất để thực hiện hiện dự án).

Theo báo cáo thẩm định của UBND tỉnh (Báo cáo số 2146/BC-HĐTĐ ngày 18/8/2022) đối với hồ sơ chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của dự án được Hội đồng thẩm định khẳng định là phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia; quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất của huyện Hòa An.

b) Dự án Đường giao thông Đôn Biên phòng Cốc Pàng (155) ra các mốc từ 520 đến 534: Dự án được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 và phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 28/5/2021. Khu vực dự án có diện tích rừng đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng là 6,2ha, gồm: rừng tự nhiên: 4,95ha, rừng trồng 1,25ha. Thẩm quyền của HĐND tỉnh cho chủ trương chuyển mục đích sử dụng 1,25ha đất rừng trồng để thực hiện dự án, đối với 4,95ha rừng tự nhiên thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

Theo báo cáo thẩm định của UBND tỉnh đối với hồ sơ chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của dự án được Hội đồng thẩm định khẳng định là phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia; quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất của huyện Bảo Lạc, Bảo Lâm.

5. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách

a) Đối với dự thảo Nghị quyết

- Đề nghị bổ sung cụm từ “đợt 2” đối với tên Nghị quyết, và sửa lại thành: “*Nghị quyết về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2022 (bổ sung đợt 2)*”.

- Tại Điều 1 của dự thảo Nghị quyết: bổ sung cụm từ “(bổ sung đợt 2)” sau cụm từ “trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2022”.

- Tại Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết, đề nghị bỏ cụm từ “đề nghị” tại tiêu đề và cột “*Diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng (ha)*”

b) Tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp, quy định: “*Đối với dự án đầu tư có chuyển mục đích sử dụng rừng, thì chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng là một nội dung trong chấp thuận chủ trương đầu tư dự án*”. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều dự án, công trình đã thi công cơ bản xong, chuẩn bị hoàn thành dự án, chủ đầu tư mới đề nghị cơ quan có thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng rừng. Việc chuyển mục đích sử dụng rừng sau khi đã triển khai thực hiện dự án là chưa đảm bảo theo quy định. Do đó, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện quy trình, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng đảm bảo thời gian và đúng quy định.

Cụ thể: Dự án Nhà máy thủy điện Bình Long: được phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư theo Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của UBND tỉnh Cao Bằng và nằm trong danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2020 theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh; hiện tại dự án đã xây dựng gần hoàn thiện các hạng mục công trình, khối lượng đạt 95% và dự kiến hoàn thành trong Quý IV/2022. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại chủ đầu tư mới đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng.

c) Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh rà soát lại tổng diện tích thực hiện dự án Đường giao thông Đồn Biên phòng Cốc Pàng (155) ra các mốc từ 520 đến 534. Theo báo cáo thuyết minh kết quả điều tra hiện trạng rừng, tổng diện tích dự án là 18,69ha, tuy nhiên diện tích UBND tỉnh đăng ký thu hồi để thực hiện dự án là 19,75ha (Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh)

- Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn, địa phương thực hiện việc điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Bảo Lạc, Bảo Lâm, do dự án Đường giao thông Đồn Biên phòng Cốc Pàng (155) ra các mốc từ 520 đến 534 đã điều chỉnh về diện tích thu hồi, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh.

d) Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát, kiểm tra kỹ hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng, xác định vị trí, ranh giới đảm bảo thống nhất giữa hồ sơ và thực địa; yêu cầu chủ đầu tư dự án thực hiện nghiêm

túc nghĩa vụ trồng rừng thay thế hoặc nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng để tổ chức trồng rừng thay thế theo quy định tại Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Ban KT-NS HĐND tỉnh đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

C. ĐỐI VỚI CÁC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

I. Dự thảo Nghị quyết Quyết định chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng 07 trụ sở Công an xã tại các huyện Bảo Lạc, Bảo Lâm, Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng (gồm: xã Sơn Lập, huyện Bảo Lạc; xã Quảng Lâm, Thái Sơn, Yên Thổ, Nam Cao, huyện Bảo Lâm; xã Yên Lạc, Mai Long, huyện Nguyên Bình) (Ban KTNS có Báo cáo thẩm tra riêng).

Qua thẩm tra Ban có một số ý kiến sau:

- **Về Mục tiêu đầu tư:** đề nghị sửa lại thành: “*Đảm bảo không gian làm việc cho cán bộ, chiến sỹ của đơn vị, góp phần bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn các xã tỉnh Cao Bằng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị được giao, xây dựng lực lượng Công an Cao Bằng từng bước tiến lên chính quy, hiện đại*”.

- **Về Quy mô đầu tư, đề nghị:**

(1) Diện tích các trụ sở ghi cụ thể, không để từ “khoảng”.

(2) Các hạng mục đầu tư viết cụ thể, không gộp chung “Trụ sở Công an các xã: Quảng Lâm (Bảo Lâm); Sơn Lập (Bảo Lạc); Yên Lạc (Nguyên Bình): nhà cấp IV, quy mô 1 tầng, diện tích khoảng 173 m²”. Tránh có nhiều trường hợp hiểu khác nhau khi áp dụng.

(3) Để phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, đề nghị các trụ sở công an xã cần có phòng sinh hoạt chung (để nghỉ ngơi và bếp ăn tập thể cho cán bộ chiến sỹ công an (hiện nay chỉ có bố trí chỗ nghỉ cho Trưởng công an xã).

(4) Chi phí dự phòng: Theo quy định của Bộ Xây dựng: Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh 5%; Chi phí dự phòng trượt giá nhỏ hơn hoặc bằng 5%¹⁰. Tuy nhiên, dự toán chưa có dự phòng trượt giá, đề nghị tính toán lại mục này đúng theo quy định.

(5) Còn 02 công trình xã Sơn Lập, huyện Bảo Lạc và Xã Mai Long, huyện Nguyên Bình hiện trạng khu đất là “chưa đền bù, giải phóng mặt bằng”, tuy nhiên, trong tổng hợp dự toán xây dựng công trình không có nội dung “chi phí đền bù GPMB”.

¹⁰ Quy định tại điểm 6, phụ lục II, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng

- **Về tổng mức đầu tư dự kiến:** 10.500 triệu đồng; Nguồn vốn đầu tư: Tăng thu NSDP. Ban KTNS nhất trí.

Ban Kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh kính HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

II. Dự thảo Nghị quyết Về chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng 08 trụ sở làm việc Công an xã tại I Các huyện Thạch An, Quảng Hòa, Hạ Lang, Hòa An tỉnh Cao Bằng (gồm: xã Canh Tân, Quang Trọng, Lê Lợi, huyện Thạch An; xã Tiên Thành, Hạnh Phúc, huyện Quảng Hòa; xã Thắng Lợi, Kim Loan, huyện Hạ Lang; xã Quang Trung, huyện Hòa An) (Ban KTNS có Báo cáo thẩm tra riêng).

Qua thẩm tra Ban có một số ý kiến sau:

- **Về Mục tiêu đầu tư:** đề nghị sửa lại thành: “*Đảm bảo không gian làm việc cho cán bộ, chiến sỹ của đơn vị, góp phần bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn các xã tỉnh Cao Bằng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị được giao, xây dựng lực lượng Công an Cao Bằng từng bước tiến lên chính quy, hiện đại*”.

- **Về Quy mô đầu tư, đề nghị:**

(1) Diện tích các trụ sở ghi cụ thể, không để từ “khoảng”.

(2) Các hạng mục đầu tư viết cụ thể, không gộp chung “- Trụ sở Công an các xã: Canh Tân, Quang Trọng, Lê Lợi (Thạch An); Tiên Thành, Hạnh Phúc (Quảng Hòa); Kim Loan (Hạ Lang): nhà cấp IV, quy mô 1 tầng, diện tích khoảng 173 m². Tránh có nhiều trường hợp hiểu khác nhau khi áp dụng.

(3) Để phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, đề nghị các trụ sở công an xã cần có phòng sinh hoạt chung (để nghỉ ngơi và bếp ăn tập thể cho cán bộ chiến sỹ công an (hiện nay chỉ có bố trí chỗ nghỉ cho Trưởng công an xã).

(4) Chi phí dự phòng: Theo quy định của Bộ Xây dựng: Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh 5%; Chi phí dự phòng trượt giá nhỏ hơn hoặc bằng 5%¹¹. Tuy nhiên, hiện nay chưa có Chi phí dự phòng đề nghị tính toán lại mục này đúng theo quy định.

- **Về tổng mức đầu tư dự kiến:** 12.000 triệu đồng; Nguồn vốn đầu tư: Tăng thu NSDP. Ban KTNS nhất trí.

Ban Kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh kính HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

III. Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Cao Bằng (Ban KTNS có Báo cáo thẩm tra riêng).

1. Mục tiêu đầu tư: Ban KT - NS nhất trí.

2. Quy mô đầu tư:

¹¹ Tại điểm 6, phụ lục II, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021

- Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh bổ sung phần diện tích xây dựng đối với từng hạng mục.

- Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh giải trình làm rõ mật độ xây dựng tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Cao Bằng có đảm bảo theo các tiêu chuẩn xây dựng hiện hành hay không?

- Ban KT - NS thống nhất với ý kiến thẩm định của Sở xây dựng: Đối với hiện trạng hạng mục nhà khoa Metanol (đưa vào sử dụng 2008), đề nghị chủ đầu tư cho biết tuổi thọ khấu hao công trình, giá trị còn lại của công trình (nếu có) để tỉnh thanh lý, thu hồi nộp vào ngân sách nhà nước trong bước thực hiện dự án.

3. Nhóm dự án: nhóm C. Ban KTNS nhất trí.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 30.000 triệu đồng.

- Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh giải trình cách tính, áp dụng định mức theo suất vốn đầu tư?

- Tại mục Chi phí dự phòng: Theo Bảng tổng hợp khái toán của Báo cáo ĐXCĐT: Chi phí dự phòng khối lượng phát sinh là 10%, chi phí dự phòng do yếu tố trượt giá là 0,883%. Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh giải trình cách tính theo dự phòng theo quy định nào? Mức chi phí dự phòng có đảm bảo dự phòng cho yếu tố trượt giá không?

5. Các nội dung khác nêu trong Báo cáo ĐXCĐT: Ban KT-NS nhất trí.

Ban Kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh kính HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

IV. Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Xây mới và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm y tế huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng (Ban KT - NS có Báo cáo thẩm tra riêng).

1. Mục tiêu đầu tư: Ban KT - NS nhất trí.

2. Quy mô đầu tư:

- Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh bổ sung diện tích xây dựng đối với từng hạng mục.

- Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh giải trình việc đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa và y tế dự phòng trong cùng một địa điểm có đảm bảo đúng quy định không?

- Theo BCĐXCĐT thiết kế hạng mục: Nhà ăn bếp + Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh giải trình rõ: Nhà ăn bếp bố trí cùng với Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn có đảm bảo đúng quy định của ngành y tế không?

- Đối với hạng mục đường công vụ vào công trình, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh giải trình tại sao không gộp chung vào các hạng mục hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà mà tách riêng thành một hạng mục đầu tư, tách riêng như vậy có đúng quy định không?

- Đối với nội dung Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng khu đất để xây dựng công trình: Tại trang 12 BCĐXCTĐT có nêu: Tổng diện tích cần bồi thường, hỗ trợ tái định cư: 34.680m². Tuy nhiên, tại Tờ trình số 2200 /TTr-UBND ngày 23/8/2022 của UBND tỉnh: Tổng diện tích công trình cần thu hồi đất là: 34.300m². Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh giải trình tại sao số liệu không đồng nhất và thống nhất lấy số liệu nào đúng?

- Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh rà soát, bố trí sắp xếp lại các hạng mục dự án đảm bảo theo quy định của ngành y tế.

3. Nhóm dự án: nhóm B. Ban KTNS nhất trí.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 168.000 triệu đồng. Ban KT-NS nhất trí.

5. Các nội dung khác nêu trong Báo cáo ĐXCTĐT: Ban KT-NS nhất trí.

Ban Kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh kính HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

V. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư Dự án: Đầu tư xây mới Trạm y tế xã Đức Hồng, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng (Ban KT - NS có Báo cáo thẩm tra riêng).

1. Mục tiêu đầu tư: Ban KT-NS nhất trí.

3. Quy mô đầu tư:

- Đề nghị UBND tỉnh bổ sung diện tích xây dựng đối với từng hạng mục.

- Cơ cấu vốn đầu tư cho: Hạng mục Nhà trạm y tế (3.515 triệu đồng) và Hạng mục phụ trợ (2.954 triệu đồng) có mức chi phí gần bằng nhau, Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh giải trình tính hợp lý của cơ cấu vốn đầu tư?

- Hạng mục Nhà trạm y tế: Diện tích xây dựng 420m², Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh làm rõ với diện tích nêu trên đã đảm bảo đủ diện tích đạt chuẩn của 01 Trạm Y tế xã chưa?

- Đầu tư Hạng mục Nhà công vụ: 5 phòng, diện tích xây dựng 167,4m², dự toán: 1.028 triệu đồng. Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh giải trình đầu tư hạng mục Nhà công vụ có đúng quy định không? Theo BCĐX CTĐT mỗi phòng công vụ có diện tích 25m² (tương đương khoảng 205 triệu/1 phòng), ngoài ra còn có chi phí mua sắm thiết bị cho nhà công vụ (khoảng 14,7 triệu/1 phòng). Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh giải trình rõ: Tiêu chuẩn, định mức đầu tư của hạng mục này được quy định tại văn bản nào?

+ Số biên chế hiện tại của Trạm Y tế xã Đức Hồng là 05, Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh giải trình rõ: Trong 5 biên chế hiện tại có bao nhiêu người hiện nay đang ở nhà công vụ hoặc đang đi thuê? Mỗi biên chế được đầu tư xây dựng 01 phòng công vụ có đúng theo tiêu chuẩn quy định và phù hợp với thực tế không?

+ Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh cân nhắc, xem xét kỹ lưỡng việc đầu tư hạng mục Nhà công vụ để ưu tiên đầu tư các hạng mục cần thiết khác?

- Hạng mục Nhà bếp: Diện tích xây dựng 19,8m², dự toán: 122 triệu đồng. Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh giải trình đầu tư hạng mục Nhà bếp có đúng quy định không?

- Tại Biểu danh mục trang thiết bị: Theo biểu trang thiết bị được chủ đầu tư liệt kê tại danh mục cần mua sắm trong BCĐXCTĐT: Tất cả trang thiết bị của Trạm y tế xã Đức Hồng đầu tư mới hoàn toàn theo quy định tại thông tư số 28/2020/TT-BYT Quy định danh mục trang thiết bị tối thiểu cho trạm y tế tuyến xã. Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo chủ đầu tư rà soát, thống kê, đánh giá còn bao nhiêu trang thiết bị hiện có của Trạm y tế chưa hết khấu hao tài sản? Đối với các trang thiết bị còn sử dụng được, đề nghị chủ đầu tư phải tiếp tục sử dụng tránh lãng phí tài sản công của nhà nước?

4. Nhóm dự án: Nhóm C. Ban KT-NS.

5. Các nội dung khác nêu trong Báo cáo ĐXCTĐT: Ban KT-NS nhất trí.

Ban Kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh kính HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

VI. ĐỐI VỚI 09 DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP THÔNG MINH CỦA 09 HUYỆN, THÀNH PHỐ.

Các dự án nông nghiệp thông minh của các huyện, thành phố là dự án đầu tư công, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương tỉnh bố trí (09 huyện với tổng số vốn 19,6 tỷ đồng), chủ yếu thực hiện nội dung: Xây dựng vườn ươm và phát triển cây dược liệu sử dụng giống nuôi cấy in vitro, Các dự án nông nghiệp thông minh chưa có ý kiến thẩm tra, thẩm định của Sở Khoa học và công nghệ hoặc Hội đồng khoa học của tỉnh.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị chưa trình 09 dự thảo Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư dự án nông nghiệp thông minh của 09 huyện, thành phố tại kỳ họp thứ 9 (chuyên đề) HĐND tỉnh. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các huyện, thành phố rà soát, chỉnh sửa chủ trương đầu tư của các dự án nông nghiệp thông minh theo hướng ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp để tạo năng suất, chất lượng, giá trị, phù hợp với điều kiện và cây trồng thế mạnh của từng địa phương, đồng thời phải đánh giá được nhu cầu thị trường, đầu ra cho sản phẩm.

D. ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH 3 LOẠI RỪNG

I. Nghị quyết về chủ trương đưa ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng đối với diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án đường giao thông trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 59 của Luật quy hoạch: “*Các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được thực hiện cho đến khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của Luật này*” và Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 về giải thích một số điều quy hoạch: “*Các quy hoạch nêu tại điểm c khoản 1 Điều 59 của Luật Quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt trước ngày 01 tháng 01 năm 2019, trong quá trình thực hiện được điều chỉnh nội dung theo quy định của pháp luật có liên quan trước ngày Luật Quy hoạch có hiệu lực để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội cho đến khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo Luật Quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt.*”, UBND tỉnh đề xuất HĐND tỉnh căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008; Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và đầu tư để ban hành Nghị quyết về chủ trương đưa ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng với diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án đường giao thông trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Theo Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và đầu tư, việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng là đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, từ năm 2008 đến nay, UBND tỉnh đã ban hành 03 Quyết định về quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng của tỉnh Cao Bằng¹² và đều không trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết trước khi UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt theo quy định.

Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh làm rõ trách nhiệm, báo cáo nguyên nhân, giải trình lý do việc không trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng trong thời gian qua.

2. Về hồ sơ trình thẩm tra:

UBND tỉnh gửi hồ sơ chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và đầu tư (chỉ có Tờ trình, Dự thảo Nghị quyết), đề nghị bổ sung các tài liệu sau:

- Chấp thuận đề xuất điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT (Việc chấp thuận cho phép điều chỉnh quy hoạch được thông báo bằng văn bản).

- Báo cáo thuyết minh điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

¹² - Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 31/01/2008 về phê duyệt dự án rà soát quy hoạch phân chia 3 loại rừng tỉnh Cao Bằng.

- Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 05/9/2011 về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phân chia 3 loại rừng tỉnh Cao Bằng.

- Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 31/3/2015 về phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch phân chia 3 loại rừng tỉnh Cao Bằng.

- Hệ thống bản đồ, sơ đồ minh họa việc điều chỉnh quy hoạch.
- Tổng hợp ý kiến và giải trình về việc tiếp thu ý kiến của các cơ quan liên quan.

3. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua chủ trương đưa ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng đối với diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện 5 dự án đường giao thông¹³ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng với tổng diện tích là: 160,17ha, trong đó: rừng phòng hộ: 53,24ha; rừng sản xuất: 106,93ha.

Qua thẩm tra, Ban KT-NS có ý kiến như sau:

- Đối với tên dự thảo Nghị quyết: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, chỉnh sửa lại tên dự thảo Nghị quyết, do đây là Nghị quyết điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh.

- Đối với căn cứ của dự thảo Nghị quyết, đề nghị bỏ căn cứ: “*Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2015 về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Cao Bằng*”.

- Đối với nội dung chi tiết:

+ Tại Điều 1: Cần có số liệu cụ thể về diện tích từng loại đất lâm nghiệp trước và sau khi điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng (theo từng đơn vị hành chính cấp huyện có liên quan), cụ thể:

1.1. Huyện Thạch An

a) Quy hoạch đã phê duyệt

- Diện tích đất rừng đặc dụng: ... ha
- Diện tích đất rừng phòng hộ: ... ha
- Diện tích đất rừng sản xuất: ... ha

b) Quy hoạch sau điều chỉnh:

- Diện tích đất rừng đặc dụng: ... ha
- Diện tích đất rừng phòng hộ: ... ha
- Diện tích đất rừng sản xuất: ... ha

1.2 Huyện Trùng Khánh

+ Đối với bảng biểu kèm theo Nghị quyết: cần có 02 bảng biểu kèm theo Nghị quyết, cụ thể:

¹³ Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng); Dự án đường tỉnh 208; Dự án cải tạo, nâng cấp đường từ thị trấn Xuân Hòa – thị trấn Thông Nông; Dự án đường giao thông Đồn biên phòng Cốc Pàng (155) ra các mốc từ 520 đến 534; Dự án kết nối thành phố Cao Bằng với cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh.

Biểu 1: Tổng hợp diện tích điều chỉnh quy hoạch theo Dự án đầu tư (chi tiết đến từng huyện)

Biểu 2: Tổng hợp diện tích điều chỉnh theo Đơn vị hành chính cấp huyện (chi tiết đến từng dự án).

4. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn khẩn trương hoàn thiện hồ sơ gửi về Ban Kinh tế - Ngân sách trước ngày 30/8/2022 để xem xét, báo cáo HĐND tỉnh. Nếu việc bổ sung hồ sơ không đảm bảo thời gian nêu trên, Ban Kinh tế - Ngân sách đề xuất HĐND tỉnh nhất trí chủ trương và đưa nội dung này vào Nghị quyết kỳ họp thứ 9 (chuyên đề) HĐND tỉnh Cao Bằng khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026, mà không ban hành riêng 01 Nghị quyết.

Ban KT-NS HĐND tỉnh đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

Đối với dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023 (có báo cáo thẩm tra riêng), đề nghị các đại biểu HĐND tỉnh, xem xét và cho ý kiến các danh mục đầu tư công để thông qua tại kỳ họp đảm bảo theo qui định của Luật đầu tư công.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đối với các báo cáo, hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình tại kỳ họp thứ 9 (chuyên đề) HĐND tỉnh khoá XVII, nhiệm kỳ 2021-2026, kính trình kỳ họp xem xét, thảo luận và quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**

La Văn Hồng